

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2230/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2021 và năm 2022

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025;

Theo đề nghị của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2021 và năm 2022 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành có liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đối với các Luật, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để thực hiện Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

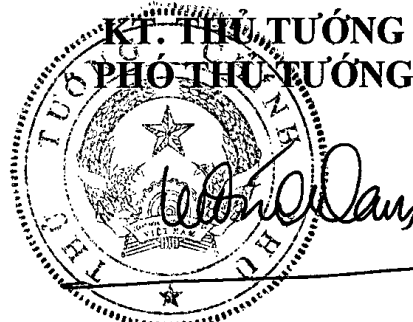
Điều 3. Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành, địa phương có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b). 110



Vũ Đức Đam



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

Cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2021 và năm 2022

(Kèm theo Quyết định số 2230/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

Phần I

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 1: KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG

QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1:

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (mã thủ tục hành chính: 1.000354).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (Phụ lục la ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động), cụ thể: bỏ thông tin về địa chỉ liên lạc, toàn bộ các thông tin về người đại diện theo pháp luật (gồm họ tên, giới tính, chức vụ, quốc tịch, ngày sinh, nơi đăng ký thường trú).

Lý do: các thông tin nêu trên có thể được khai thác từ Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và CSDL quốc gia về dân cư.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (Phụ lục 1a) ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

2. Nhóm thủ tục hành chính 2:

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

- Cấp Chứng chỉ kiểm định viên (mã thủ tục hành chính 1.000148).
- Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi nội dung chứng chỉ kiểm định viên (mã thủ tục hành chính 2.00037).
- Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên trong trường hợp hết hạn (mã thủ tục hành chính 1.000187).
- Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên đối với trường hợp bị hỏng hoặc mất (mã thủ tục hành chính 1.000183).
- Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên đối với trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ (mã thủ tục hành chính 1.000183).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Sửa Mẫu đơn đề nghị cấp (hoặc cấp lại) chứng chỉ kiểm định viên (Phụ lục lc ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP), cụ thể: bỏ các thông tin về ngày tháng năm sinh, địa chỉ, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu và bổ sung số căn cước công dân.

Lý do: các thông tin nêu trên có thể được khai thác từ CSDL quốc gia về dân cư thông qua số căn cước công dân.

- Nâng mức độ cung cấp dịch vụ công (DVC) trực tuyến từ mức độ 3 lên mức độ 4.

Lý do: tạo thuận lợi, giảm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (TTHC).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Mẫu đơn đề nghị cấp (hoặc cấp lại) chứng chỉ kiểm định viên (Phụ lục 1c) ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.
- Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện TTHC quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP: thay cụm từ “gửi cơ quan có thẩm quyền...” bằng cụm từ “nộp trực tiếp, gửi qua bưu điện hoặc trực tuyến tới cơ quan có thẩm quyền...”.

3. Thủ tục hành chính 3:

Thủ tục hành chính cấp tỉnh:

Khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bổ sung hình thức khai báo trực tuyến đối với tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

Lý do: tạo thuận lợi, giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

Phần II

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 2: KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ

QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1:

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Cấp, cấp lại, cấp đổi, bổ sung giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (mã thủ tục hành chính 2.000250).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bổ sung cách thức thực hiện cung cấp DVC trực tuyến mức độ 4.

Lý do: tạo thuận lợi, giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 31/2015/NĐ-CP.

2. Thủ tục hành chính 2:

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Cấp, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (mã thủ tục hành chính 1.000546).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bổ sung cách thức thực hiện cung cấp DVC trực tuyến mức độ 4.

Lý do: tạo thuận lợi, giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH.

Phần III
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 3:
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (GDNN)

I. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Nhóm thủ tục hành chính 1:

(i) Thủ tục hành chính cấp trung ương:

- Đổi tên trường cao đẳng (mã thủ tục hành chính 1.000257).

- Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội (mã thủ tục hành chính 2.000101).

(ii) Thủ tục hành chính cấp tỉnh:

Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (mã thủ tục hành chính 1.000031).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Về hồ sơ: Ban hành Mẫu (mẫu hóa) thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập hoặc văn bản của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc đại diện hợp pháp của những người góp vốn thành lập đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục (quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp).

Lý do: tạo thuận lợi và giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ thực hiện TTHC.

- Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định có thể lựa chọn một trong các cách thức thực hiện: qua dịch vụ công trực tuyến, qua bưu chính hoặc trực tiếp.

Lý do: tạo thuận lợi và giảm thời gian thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.

2. Nhóm thủ tục hành chính 2:

(i) Thủ tục hành chính cấp trung ương:

- Chia, tách, sáp nhập trường cao đẳng (mã thủ tục hành chính 1.000611).

- Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội (mã thủ tục hành chính 1.000585).

(ii) Thủ tục hành chính cấp tỉnh:

Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (mã thủ tục hành chính 2.000099).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Về hồ sơ: Ban hành Mẫu (mẫu hóa) các thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; văn bản của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc đại diện hợp pháp của những người góp vốn thành lập (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP).

+ Đề án chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp (quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP).

Lý do: tạo thuận lợi và giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ thực hiện TTHC.

- Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định có thể lựa chọn một trong các cách thức thực hiện: qua dịch vụ công trực tuyến, qua bưu chính hoặc trực tiếp.

Lý do: tạo thuận lợi và giảm thời gian thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 10 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.

3. Nhóm thủ tục hành chính 3:

(i) Thủ tục hành chính cấp trung ương:

- Giải thể trường cao đẳng (mã thủ tục hành chính 2.000257).

- Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội (mã thủ tục hành chính 2.001692).

- Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường cao đẳng (mã thủ tục hành chính 2.001686).

- Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường cao đẳng; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội (mã thủ tục hành chính 2.001676).

(ii) Thủ tục hành chính cấp tỉnh:

- Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (mã thủ tục hành chính 1.000234).

- Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (mã thủ tục hành chính 1.000266).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Về hồ sơ: Ban hành Mẫu (mẫu hóa) các thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị giải thể của cơ quan chủ quản hoặc tổ chức, cá nhân (quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP).

+ Phương án giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp (quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP).

Lý do: tạo thuận lợi và giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ thực hiện TTHC.

- Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định có thể lựa chọn một trong các cách thức thực hiện: qua dịch vụ công trực tuyến, qua bưu chính hoặc trực tiếp.

Lý do: tạo thuận lợi và giảm thời gian thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 11 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.

4. Nhóm thủ tục hành chính 4:

(i) Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học (mã thủ tục hành chính 1.000252).

(ii) Thủ tục hành chính cấp tỉnh:

Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp (mã thủ tục hành chính 2.000189).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Về hồ sơ:

+ Đơn giản hóa thành phần hồ sơ:

Văn bản đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 15 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP).

Báo cáo các điều kiện bảo đảm đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều 15 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP).

+ Ban hành Mẫu (mẫu hóa) các thành phần hồ sơ:

Bản mô tả ngành, nghề với trường hợp ngành, nghề đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng không có trong danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Khi cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

+ Bỏ đối tượng thực hiện thủ tục hành chính là cơ sở giáo dục đại học.

Lý do: tạo thuận lợi và giảm thời gian thực hiện TTHC; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2018).

- Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định có thể lựa chọn một trong các cách thức thực hiện: qua dịch vụ công trực tuyến, qua bưu chính hoặc trực tiếp.

Lý do: tạo thuận lợi và giảm thời gian thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Điều 14, khoản 1 Điều 15; điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.

5. Nhóm thủ tục hành chính 5:

(i) Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học (mã thủ tục hành chính 1.000249).

(ii) Thủ tục hành chính cấp tỉnh:

Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp (mã thủ tục hành chính 1.000389).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Về đối tượng thực hiện:

+ Sửa đổi quy định “tăng quy mô tuyển sinh của từng ngành, nghề đào tạo vượt từ 10% trở lên so với quy mô tuyển sinh/năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp” (khoản 1 Điều 18 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP) thành “vượt quá tổng quy mô tuyển sinh/năm của các ngành, nghề trong cùng nhóm ngành nghề”.

+ Bỏ quy định “thời tuyển sinh hoặc giảm quy mô tuyển sinh đối với các ngành, nghề đào tạo đã được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp” (khoản 9 Điều 18 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP).

Lý do: tạo cơ chế linh hoạt quy mô tuyển sinh giữa các ngành, nghề và giữa các trình độ đào tạo để tăng quyền tự chủ của cơ sở GDNN; giảm các trường hợp phải đăng ký bổ sung hoạt động GDNN, đơn giản hóa TTHC.

- Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định có thể lựa chọn một trong các cách thức thực hiện: qua dịch vụ công trực tuyến, qua bưu chính hoặc trực tiếp.

Lý do: tạo thuận lợi và giảm thời gian thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Điều 18 và Điều 20 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.

6. Nhóm thủ tục hành chính 6:

(i) Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Công nhận trường cao đẳng tư thục, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận (mã thủ tục hành chính 1.000561).

(ii) Thủ tục hành chính cấp tỉnh:

Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận (mã thủ tục hành chính 1.000482).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về hồ sơ: Bỏ bản sao quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Lý do: thành phần hồ sơ có thể khai thác trên cơ sở dữ liệu có liên quan nhằm tạo thuận lợi và giảm thời gian thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Bỏ điểm d khoản 2 Điều 40 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

7. Nhóm thủ tục hành chính 7:

(i) Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Sáp nhập, chia, tách trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài (mã thủ tục hành chính 1.000174).

(ii) Thủ tục hành chính cấp tỉnh:

Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (mã thủ tục hành chính 1.000138).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về hồ sơ: Ban hành Mẫu (mẫu hóa) các thành phần hồ sơ:

- Văn bản của tổ chức, cá nhân sở hữu đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP);

- Đề án chia, tách cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (quy định tại điểm c khoản 2 Điều 17 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP).

Lý do: tạo thuận lợi và giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

8. Nhóm thủ tục hành chính 8:

(i) Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Giải thể trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài (mã thủ tục hành chính 2.000170).

(ii) Thủ tục hành chính cấp tỉnh:

Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (mã thủ tục hành chính 1.000553).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về hồ sơ: Ban hành Mẫu (mẫu hóa) các thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (quy định tại điểm a khoản 3 Điều 18 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP);

- Phương án giải thể (quy định tại điểm b khoản 3 Điều 18 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP).

Lý do: tạo thuận lợi và giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

9. Nhóm thủ tục hành chính 9:

(i) Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Đổi tên trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài (mã thủ tục hành chính 1.000367).

(ii) Thủ tục hành chính cấp tỉnh:

Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (mã thủ tục hành chính 1.000530).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về hồ sơ: Ban hành Mẫu (mẫu hóa) thành phần hồ sơ: văn bản đề nghị đổi tên của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc đại diện hợp pháp của những người góp vốn thành lập (quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP).

Lý do: tạo thuận lợi và giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

10. Thủ tục hành chính 10:

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam (mã thủ tục hành chính 1.000159).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: về hồ sơ:

- Ban hành Mẫu (mẫu hóa) thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài (quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP).

Lý do: tạo thuận lợi và giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ thực hiện TTHC.

- Bỏ “Giấy phép thành lập văn phòng đại diện” (quy định tại điểm b khoản 5 Điều 33 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP).

Lý do: Giấy phép này được lưu tại cơ quan hành chính cấp giấy phép, do đó không cần thiết phải nộp trong thành phần hồ sơ nhằm đơn giản hóa TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 33 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

11. Nhóm thủ tục hành chính 11:

(i) Thủ tục hành chính cấp trung ương:

- Thành lập trường cao đẳng (mã thủ tục hành chính 1.004474).

- Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội (mã thủ tục hành chính 1.0004956).

(ii) Thủ tục hành chính cấp tỉnh:

Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (mã thủ tục hành chính 1.000243).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về hồ sơ: Ban hành Mẫu văn bản xác nhận khả năng tài chính để đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP).

Lý do: đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng của quy định, tạo thuận lợi khi chuẩn bị hồ sơ thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.

12. Nhóm thủ tục hành chính 12:

(i) Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Cho phép thành lập trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận (mã thủ tục hành chính 1.000179).

(ii) Thủ tục hành chính cấp tỉnh:

Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận (mã thủ tục hành chính 1.000160).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về hồ sơ: Đơn giản hóa hồ sơ “bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc văn bản chấp thuận cho thuê đất của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong đó xác định rõ địa chỉ, diện tích, mốc giới của khu đất và thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định của pháp luật và các giấy tờ pháp lý liên quan còn thời hạn ít nhất 05 năm kể từ ngày gửi hồ sơ” (quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp) thành “bản sao văn bản pháp lý xác nhận quyền sử dụng tài sản hoặc quyền sử dụng đất hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất để xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc hợp đồng cho thuê cơ sở vật chất sẵn có và các giấy tờ pháp lý liên quan còn thời hạn ít nhất là 05 năm kể từ ngày gửi hồ sơ”.

Lý do: thực hiện đúng quy định của pháp luật đất đai và pháp luật dân sự.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

13. Nhóm thủ tục hành chính 13:

(i) Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học (mã thủ tục hành chính 1.000179).

(ii) Thủ tục hành chính cấp tỉnh:

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp (mã thủ tục hành chính 1.000167).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Về hồ sơ: Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Báo cáo các điều kiện bảo đảm đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài (quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP).

Lý do: tạo thuận lợi và giảm thời gian thực hiện TTHC.

- Bỏ đối tượng thực hiện thủ tục hành chính là cơ sở giáo dục đại học.

Lý do: thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2018).

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 23 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

II. QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Yêu cầu, điều kiện về thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tư thục

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Sửa đổi, bổ sung điều kiện về địa điểm xây dựng cơ sở vật chất quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP, như sau: “Có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất bảo đảm diện tích đất sử dụng tối thiểu đối với trung tâm là 1.000m²; trường trung cấp là 10.000 m² đối với khu vực đô thị hoặc 20.000 m² đối với khu vực ngoài đô thị; trường cao đẳng là 20.000 m² đối với khu vực đô thị hoặc 40.000 m² đối với khu vực ngoài đô thị. Trường hợp địa điểm xây dựng cơ sở vật chất của trường trung cấp, trường cao đẳng vừa có diện tích đất sử dụng tại khu vực đô thị vừa có diện tích đất sử dụng tại khu vực ngoài đô thị thì thực hiện quy đổi diện tích đất theo tỷ lệ tương ứng giữa đất khu vực đô thị với đất khu vực ngoài đô thị là 1:2”.

Lý do: Bổ sung đầy đủ các trường hợp trong thực tiễn để đảm bảo tính công khai, minh bạch của quy định, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi tuân thủ các điều kiện đầu tư vào hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Bỏ điều kiện “Đáp ứng các điều kiện đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (dự kiến về cơ cấu tổ chức; cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; chương trình, giáo trình đào tạo; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý)” quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.

Lý do: Sau khi có quyết định thành lập thì cơ sở GDNN phải thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động GDNN, theo đó phải chứng minh đáp ứng các điều kiện đảm bảo theo quy định (về cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý). Theo quy định tại Luật GDNN (điểm c khoản 1 Điều 21) thì cơ sở GDNN có trách nhiệm thực hiện đăng ký hoạt động GDNN trong thời gian tối đa 36 tháng đối với trường cao đẳng, 24 tháng đối với trường trung cấp và trung tâm GDNN kể từ ngày quyết định thành lập, cho phép thành lập, do đó việc phải đáp ứng các điều kiện đăng ký hoạt động GDNN là không cần thiết khi lập hồ sơ thành lập cơ sở GDNN.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.

- Bỏ khoản 5 Điều 3 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.

2. Yêu cầu, điều kiện về thành lập phân hiệu trường trung cấp, cao đẳng công lập, tư thục

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ điều kiện “Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam. Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập khi thành lập phải hoạt động theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập do Chính phủ” quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP, khoản 1 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.

Lý do: Theo quy định, việc quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN chỉ thực hiện đối với cơ sở GDNN, không quy hoạch theo phân hiệu trường trung cấp, trường cao đẳng, do vậy bãi bỏ điều kiện này nhằm đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

- Bỏ điều kiện “Đáp ứng các điều kiện đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (dự kiến về cơ cấu tổ chức; cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; chương trình, giáo trình đào tạo; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý)” quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.

Lý do: tương tự như điểm 1 mục II ở trên.

- Sửa đổi, bổ sung quy định “có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất bảo đảm diện tích đất sử dụng tối thiểu của trung tâm giáo dục nghề nghiệp là 1.000 m²; của trường trung cấp là 10.000 m² đối với khu vực đô thị và 20.000 m² đối với khu vực ngoài đô thị; của trường cao đẳng là 20.000 m² đối với khu vực đô thị và 40.000 m² đối với khu vực ngoài đô thị” quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP, khoản 1 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP thành “có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất và vốn đầu tư cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng tối thiểu bằng 25% diện tích đất sử dụng tối thiểu và vốn đầu tư cho phép thành lập trường trung cấp, trường cao đẳng”.

Lý do: Giảm chi phí đầu tư, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi tuân thủ các điều kiện đầu tư vào hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP, khoản 1 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 3 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.

3. Yêu cầu, điều kiện về đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi, bổ sung quy định “các ngành, nghề đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp có trong danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP thành “các ngành, nghề đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp có trong danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành; phù hợp với cơ cấu ngành, nghề, trình độ đào tạo và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành, địa phương (theo mẫu)”

Lý do: đảm bảo tính công khai, minh bạch của quy định, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi tuân thủ các điều kiện đầu tư vào hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.

4. Yêu cầu, điều kiện về thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Sửa đổi, bổ sung điều kiện về địa điểm xây dựng cơ sở vật chất quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP, như sau: “Có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất bảo đảm diện tích đất sử dụng tối thiểu đối với trung tâm là 1.000m²; trường trung cấp là 10.000 m² đối với khu vực đô thị hoặc 20.000 m² đối với khu vực ngoài đô thị; trường cao đẳng là 20.000 m² đối với khu vực đô thị hoặc 40.000 m² đối với khu vực ngoài đô thị. Trường hợp địa điểm xây dựng cơ sở vật chất của trường trung cấp, trường cao đẳng vừa có diện tích đất sử dụng tại khu vực đô thị vừa có diện tích đất sử dụng tại khu vực ngoài đô thị thì thực hiện quy đổi diện tích đất theo tỷ lệ tương ứng giữa đất khu vực đô thị với đất khu vực ngoài đô thị là 1:2”.

Lý do: Bổ sung đầy đủ các trường hợp trong thực tiễn để đảm bảo tính công khai, minh bạch của quy định, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi tuân thủ các điều kiện đầu tư vào hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Bỏ quy định “Có dự kiến cụ thể về cơ cấu tổ chức; cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; chương trình, giáo trình đào tạo; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với điều kiện đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và Nghị định này” quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

Lý do: Điều kiện không cần thiết quy định nhằm đơn giản hóa TTHC, giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ, tạo thuận lợi hơn cho việc thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.
- Bỏ khoản 6 Điều 9 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

5. Yêu cầu, điều kiện về thành lập phân hiệu trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ quy định “Có hợp đồng hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất phù hợp và ổn định trong thời gian ít nhất là 05 năm” quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về mức đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP, như sau: “có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất và vốn đầu tư cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng tối thiểu bằng 25% diện tích đất sử dụng tối thiểu và vốn đầu tư cho phép thành lập trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài”.

Lý do: Đơn giản hóa và minh bạch yêu cầu, điều kiện, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi tuân thủ các điều kiện đầu tư vào hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 11 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

6. Yêu cầu, điều kiện về liên kết đào tạo với nước ngoài

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về ngành, nghề và trình độ đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP, như sau: “Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp thực hiện liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài theo các hình thức liên kết đào tạo quy định tại Điều 21 Nghị định này được liên kết đào tạo các trình độ giáo dục nghề nghiệp thuộc các lĩnh vực theo quy định của nước ngoài và các ngành, nghề của Việt Nam, trừ ngành, nghề thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, tôn giáo”.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP, như sau: “Có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo; pháp luật của nước cấp văn bằng, chứng chỉ và tương ứng với quy mô đào tạo; có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử

nghiệm đáp ứng yêu cầu theo chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Diện tích phòng học lý thuyết và phòng/xưởng thực hành đảm bảo theo quy định về cơ sở vật chất do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. Đối với liên kết đào tạo thực hiện một phần ở nước ngoài, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo thực hiện theo quy định của pháp luật nước ngoài”.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP, như sau: “Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp thực hiện liên kết đào tạo có trách nhiệm bảo đảm đầy đủ chương trình, giáo trình, tài liệu học tập, học liệu đào tạo phục vụ cho việc học tập của người học theo yêu cầu của từng chương trình liên kết; chương trình đào tạo không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam”.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý quy định tại khoản 5 Điều 22 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP, như sau: “(i) Có đội ngũ nhà giáo đạt tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, đủ về số lượng, đáp ứng cơ cấu chuyên môn theo yêu cầu của chương trình đào tạo và quy định pháp luật của nước cấp văn bằng, chứng chỉ; (ii) Nhà giáo giảng dạy bằng ngoại ngữ trong chương trình liên kết đào tạo phải có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của chương trình do các bên liên kết thỏa thuận. Nhà giáo là người nước ngoài giảng dạy ngoại ngữ tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải có bằng cử nhân trở lên và có chứng chỉ giảng dạy ngoại ngữ phù hợp; (iii) Nhà giáo là người nước ngoài giảng dạy các chương trình liên kết đào tạo phải đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam”.

- Bỏ quy định “Nhà giáo giảng dạy bằng ngoại ngữ trong chương trình liên kết đào tạo phải có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của chương trình do các bên liên kết thỏa thuận. Nhà giáo là người nước ngoài dạy ngoại ngữ tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải có bằng đại học trở lên và có chứng chỉ giảng dạy ngoại ngữ phù hợp” quy định tại điểm d khoản 5 Điều 22 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

- Bỏ quy định “Nhà giáo là người nước ngoài giảng dạy tại các chương trình liên kết đào tạo phải đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam” quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 22 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

- Bỏ quy định “Tỷ lệ tối đa là 25 học sinh, sinh viên/nhà giáo” quy định tại điểm e khoản 5 Điều 22 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về ngôn ngữ giảng dạy và học tập quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP, như sau: “Ngôn ngữ sử dụng để giảng dạy, học tập các môn chuyên ngành trong chương trình liên kết đào tạo để cấp văn bằng, chứng chỉ của Việt Nam hoặc nước ngoài là tiếng Việt, tiếng nước ngoài hoặc thông qua phiên dịch; căn cứ nhu cầu của người học, các bên liên kết có thể tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ giúp người học đạt trình độ ngoại ngữ để đủ điều kiện học chương trình liên kết đào tạo do hai bên quy định”.

Lý do: Đơn giản hóa và đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch của quy định, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi tuân thủ các điều kiện đầu tư vào hoạt động giáo dục nghề nghiệp, liên kết đào tạo với nước ngoài.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 22 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

Phần IV

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 4:

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1:

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp (mã thủ tục hành chính 1.000286).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Lược bỏ một số trường thông tin trong đơn đề nghị cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp (tại Mẫu số 08 Phụ lục kèm theo Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp) về ngày, tháng, năm sinh, dân tộc, quê quán, hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện nay.

Lý do: các thông tin trên có thể khai thác trên CSDL quốc gia về dân cư.

- Bổ sung cách thức thực hiện cung cấp DVC trực tuyến mức độ 4.

Lý do: Tạo thuận lợi, giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 18 và Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 49/2018/NĐ-CP.

2. Thủ tục hành chính 2:

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Cấp lại thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp (mã thủ tục hành chính 1.000169).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ Mẫu đơn đề nghị cấp lại thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp (Mẫu số 09 Phụ lục kèm theo Nghị định số 49/2018/NĐ-CP), theo hướng hợp nhất với Mẫu số 08 nêu tại TTHC điểm 1 phần IV ở trên, chỉ bao gồm các thông tin kê khai thực sự cần thiết cho việc giải quyết TTHC.

Lý do: đơn giản hóa, tạo thuận lợi cho việc thực hiện TTHC.

- Bổ sung cách thức thực hiện cung cấp DVC trực tuyến mức độ 4.

Lý do: tạo thuận lợi, giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, hợp nhất Mẫu số 08 và 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2018.

3. Thủ tục hành chính 3:

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (mã thủ tục hành chính 1.000298).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Không bắt buộc nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 49/2018/NĐ-CP.

Lý do: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có thể khai thác trên CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (khi điều kiện cho phép).

- Bổ sung cách thức thực hiện cung cấp DVC trực tuyến mức độ 4.

Lý do: tạo thuận lợi, giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 49/2018/NĐ-CP.

4. Thủ tục hành chính 4:

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (mã thủ tục hành chính 1.000295).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Về hồ sơ: bỏ Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Nghị định số 49/2018/NĐ-CP), theo hướng hợp nhất với Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Nghị định số 49/2018/NĐ-CP), chỉ bao gồm các thông tin kê khai thực sự cần thiết cho việc giải quyết TTHC.

Lý do: đơn giản hóa, tạo thuận lợi cho việc thực hiện TTHC.

- Về thời hạn giải quyết: giảm thời gian từ 30 ngày (như quy định hiện tại) xuống còn 15 ngày làm việc.

Lý do: tạo thêm thuận lợi cho tổ chức hoạt động kiểm định.

- Bổ sung cách thức thực hiện cung cấp DVC trực tuyến mức độ 4.

Lý do: tạo thuận lợi, giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 8 Nghị định số 49/2018/NĐ-CP; sửa đổi, hợp nhất Mẫu số 01 và 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Phần V

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 5: KINH DOANH DỊCH VỤ ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI

QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1:

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Đóng góp Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước (mã thủ tục hành chính 1.001980).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC này (TTHC được quy định tại khoản 2, khoản 3 Mục I Thông tư liên tịch số 11/2008/BLĐTBXH-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước).

Lý do: TTHC không còn cần thiết, do đó đề xuất bãi bỏ TTHC này và sửa đổi theo hướng: Người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài đóng góp trực tiếp vào Quỹ bằng hình thức nộp tiền mặt, chuyển khoản hoặc thông qua doanh nghiệp, tổ chức đưa đi. Định kỳ hằng tháng, chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng, doanh nghiệp, tổ chức đưa đi có trách nhiệm chuyển toàn bộ số tiền đóng góp theo quy định vào tài khoản của Quỹ.

b) Kiến nghị thực thi:

Ban hành văn bản thay thế Thông tư liên tịch số 11/2008/TTLT-BLĐTBXH-BTC.

2. Thủ tục hành chính 2:

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Cấp Giấy chứng nhận tham gia Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước của doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (mã thủ tục hành chính 2.001972).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC này.

b) Lý do và kiến nghị thực thi:

Tương tự như TTHC điểm 1 phần V ở trên.

3. Thủ tục hành chính 3:

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Hỗ trợ cho người lao động (đang làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng) bị tai nạn lao động, tai nạn rủi ro, ốm đau, bệnh tật không đủ sức khỏe để tiếp tục làm việc và phải về nước trước thời hạn (mã thủ tục hành chính 2.001976).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Về trình tự thực hiện: Bổ sung quy định người lao động có thể lựa chọn tự nộp hồ sơ thực hiện TTHC hoặc nộp hồ sơ thông qua doanh nghiệp, tổ chức đưa đi (thay vì quy định hiện tại là người lao động nộp hồ sơ thông qua doanh nghiệp, tổ chức đưa đi hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

Lý do: tạo thêm thuận lợi cho người lao động khi thực hiện TTHC.

- Bổ sung cách thức thực hiện cung cấp DVC trực tuyến mức độ 4.

Lý do: tạo thuận lợi, giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Ban hành văn bản thay thế Thông tư liên tịch số 11/2008/TTLT-BLĐTBXH-BTC.

4. Thủ tục hành chính 4:

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Hỗ trợ cho người lao động trong một số trường hợp rủi ro khác (mã thủ tục hành chính 2.001978).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Về trình tự thực hiện: Quy định rõ về trình tự thực hiện TTHC (thay vì quy định không rõ ràng như hiện tại: “Hội đồng quản lý Quỹ hướng dẫn quy trình, thủ tục hồ sơ chi hỗ trợ phù hợp với từng trường hợp cụ thể”), đề xuất cụ thể như sau:

+ Bước 1. Người lao động (hoặc người được uỷ quyền) trực tiếp gửi hồ sơ hoặc thông qua doanh nghiệp, tổ chức đưa đi gửi hồ sơ (theo một trong các cách thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) tới Cơ quan điều hành Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước.

+ Bước 2. Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cơ quan điều hành Quỹ thực hiện hỗ trợ theo đề nghị của người lao động. Trường hợp không hỗ trợ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Lý do: đảm bảo tính công khai, minh bạch, rõ ràng của quy định TTHC, tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện, ngăn ngừa phiền hà, tiêu cực.

- Về đối tượng thực hiện: Quy định rõ ràng về các trường hợp được hỗ trợ, đề xuất các đối tượng cụ thể như sau: (i) người lao động (NLĐ) phải về nước trước hạn vì người sử dụng LĐ ở nước ngoài bị giải thể, phá sản, thu hẹp sản xuất vì lý do bất khả kháng; (ii) NLĐ phải về nước trước thời hạn do đơn phương chấm dứt hợp đồng LĐ khi bị người sử dụng LĐ ngược đãi, cưỡng bức lao động hoặc có nguy cơ rõ ràng đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khoẻ hoặc bị quấy rối tình dục trong thời gian làm việc ở nước ngoài; (iii) NLĐ phải thuê dịch vụ tư vấn pháp lý khi phát sinh tranh chấp với chủ sử dụng mà không phải lỗi của NLĐ và nguyên nhân không xuất phát từ nội

dung hợp đồng cung ứng, hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; (iv) hỗ trợ chi phí đào tạo nghề có thời hạn dưới 03 tháng cho NLD phải về nước trước hạn.

Lý do: đảm bảo tính công khai, minh bạch, rõ ràng của quy định TTHC, tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện, ngăn ngừa phiền hà, tiêu cực.

- Về hồ sơ: Quy định rõ ràng, đầy đủ về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp được hỗ trợ (thay vì chưa quy định rõ ràng như hiện tại), đề xuất cụ thể như sau:

+ Đối với trường hợp NLD phải về nước trước hạn vì người sử dụng LĐ ở nước ngoài bị giải thể, phá sản, thu hẹp sản xuất vì lý do bất khả kháng:

Bản sao văn bản thanh lý hợp đồng ký giữa người sử dụng lao động hoặc doanh nghiệp, tổ chức đưa đi và người lao động hoặc văn bản thông báo của người sử dụng lao động về việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với người lao động hoặc văn bản của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước sở tại theo đề nghị xác minh của người lao động về việc người sử dụng lao động chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do người sử dụng lao động bị giải thể, phá sản, thu hẹp sản xuất do thiên tai, dịch bệnh, bất ổn chính trị, chiến tranh, suy thoái kinh tế hoặc vì lý do bất khả kháng khác.

Bản sao hộ chiếu của người lao động.

+ Đối với NLD phải về nước trước thời hạn do đơn phương chấm dứt hợp đồng LĐ khi bị người sử dụng LĐ ngược đãi, cưỡng bức lao động hoặc có nguy cơ rõ ràng đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khoẻ hoặc bị quấy rối tình dục trong thời gian làm việc ở nước ngoài:

Bản sao văn bản thanh lý hợp đồng ký giữa doanh nghiệp, tổ chức đưa đi và người lao động hoặc văn bản của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước sở tại theo đề nghị xác minh của người lao động về việc bị người sử dụng lao động ngược đãi, cưỡng bức lao động hoặc có nguy cơ rõ ràng đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khoẻ hoặc bị quấy rối tình dục trong thời gian làm việc ở nước ngoài.

Chứng cứ (hình ảnh, âm thanh, hồ sơ, dữ liệu...) hoặc biên bản làm việc, biên bản vụ việc do cơ quan chức năng nước sở tại lập về việc người sử dụng lao động ngược đãi, cưỡng bức lao động hoặc có nguy cơ rõ ràng đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khoẻ hoặc bị quấy rối tình dục trong thời gian làm việc ở nước ngoài.

Bản sao hộ chiếu của người lao động.

+ Đối với trường hợp hỗ trợ NLD tư vấn pháp lý, thuê luật sư khi phát sinh tranh chấp với chủ sử dụng mà không phải lỗi của NLD và nguyên nhân không xuất phát từ nội dung hợp đồng cung ứng, hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài:

Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại chứng minh việc tiếp nhận hồ sơ khiếu nại của người lao động được hợp pháp hoá bởi cơ quan đại diện Việt Nam tại địa bàn.

Bản sao hợp đồng thuê và bản sao văn bản thanh lý hợp đồng thuê luật sư, tư vấn pháp lý để bảo vệ quyền, lợi ích của người lao động khi phát sinh tranh chấp với người sử dụng lao động.

Bản sao hộ chiếu của người lao động.

Bản sao hóa đơn tài chính hoặc biên lai nhận tiền của luật sư, người tư vấn pháp lý.

+ Đối với trường hợp hỗ trợ chi phí đào tạo nghề có thời hạn dưới 03 tháng cho NLD phải về nước trước hạn:

Bản sao chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khoá đào tạo nghề.

Phiếu thu, biên lai thu tiền đào tạo nghề của cơ sở đào tạo nghề.

Lý do: đảm bảo tính công khai, minh bạch, rõ ràng của quy định TTHC, tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện, ngăn ngừa phiền hà, tiêu cực.

b) Kiến nghị thực thi:

Ban hành văn bản thay thế Thông tư liên tịch số 11/2008/TTLT-BLĐTBXH-BTC.

5. Thủ tục hành chính 5:

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Hỗ trợ thân nhân của người lao động bị chết, mất tích trong thời gian làm việc ở nước ngoài (mã thủ tục hành chính: 1.005054)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Về trình tự thực hiện: Bổ sung quy định người lao động có thể tự nộp hồ sơ đến Quỹ hoặc thông qua doanh nghiệp, tổ chức đưa đi (thay vì quy định người lao động tự nộp hồ sơ như hiện tại).

Lý do: tạo thêm thuận lợi cho người lao động khi thực hiện TTHC.

- Bổ sung cách thức thực hiện cung cấp DVC trực tuyến mức độ 4.

Lý do: Tạo thuận lợi, giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Ban hành văn bản thay thế Thông tư liên tịch số 11/2008/TTLT-BLĐTBXH-BTC.

6. Thủ tục hành chính 6:

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Cung cấp giáo trình, tài liệu bồi dưỡng ngoại ngữ, kiến thức cần thiết cho người lao động (mã thủ tục hành chính: 1.006937)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Không quy định thành TTHC và sửa đổi theo hướng Cơ quan hành chính nhà nước (điều hành Quỹ) lập dự toán, triển khai thực hiện hỗ trợ theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Kiến nghị thực thi:

Ban hành văn bản thay thế Thông tư liên tịch số 11/2008/TTLT-BLĐTBXH-BTC.

7. Thủ tục hành chính 7:

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (mã thủ tục hành chính: 2.002027)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: về hồ sơ:

- Ban hành Mẫu (mẫu hóa) Giấy xác nhận nộp tiền ký quỹ (quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 38/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Lý do: đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch của quy định, tạo thuận lợi cho việc thực hiện TTHC.

- Không bắt buộc phải nộp thành phần hồ sơ “bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 38/2020/NĐ-CP.

Lý do: Thành phần hồ sơ này có thể khai thác trên CSDL quốc gia về doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 Nghị định số 38/2020/NĐ-CP.

8. Nhóm thủ tục hành chính 8:

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

- Cấp Thư giới thiệu doanh nghiệp dịch vụ đưa người lao động đi làm việc tại lãnh thổ Đài Loan (mã thủ tục hành chính: 1.008387)

Giới thiệu doanh nghiệp dịch vụ đưa người lao động đi thực tập, làm việc tại Nhật Bản (mã thủ tục hành chính: 1.008388)

Đăng ký tham gia đưa người lao động đi làm giúp việc gia đình tại nước tiếp nhận thuộc khu vực Trung Đông (mã thủ tục hành chính: 1.008389)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung cách thức thực hiện cung cấp DVC trực tuyến mức độ 3.

Lý do: Thực hiện Quyết định số 563/QĐ-LĐTBXH ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; tạo thuận lợi, giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC.

- Rút ngắn thời hạn giải quyết TTHC, từ 10 ngày làm việc như quy định hiện tại xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: tạo thêm thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 22 và khoản 2 Điều 26 Nghị định số 38/2020/NĐ-CP.

Phần VI

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 6:

KINH DOANH DỊCH VỤ CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN

QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1:

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện (mã thủ tục hành chính: 1.000290)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về trình tự thực hiện và thẩm quyền giải quyết: Bỏ bước xem xét, cấp Giấy phép của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, quy định Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sau khi tổ chức thẩm định hồ sơ thì có trách nhiệm và thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động cho cơ sở.

Lý do: theo quy định hiện tại, sau khi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức thẩm định hồ sơ thì tổng hợp kết quả gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, cấp giấy phép, do vậy chưa hợp lý. Đề nghị sửa đổi theo hướng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ đồng thời có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động để nâng cao trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước, đồng thời tăng cường phân cấp cho chính quyền địa phương, đơn giản hóa TTHC theo đúng với chủ trương của Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

Ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011, Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 và Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ).

2. Thủ tục hành chính 2:

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện (mã thủ tục hành chính: 1.000263)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Phương án tương tự như TTHC điểm 1 phần VI “Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện” trình bày ở trên: phân cấp cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết TTHC.

Lý do: Cơ quan cấp Giấy phép hoạt động thì có trách nhiệm và thẩm quyền gia hạn Giấy phép hoạt động của cơ sở.

b) Kiến nghị thực thi:

Ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011, Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 và Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ).

3. Thủ tục hành chính 3:

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

Thay đổi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện (mã thủ tục

hành chính: 1.000013)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Phương án tương tự như TTHC điểm 1 phần VI “Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện” trình bày ở trên: phân cấp cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết TTHC.

Lý do: Cơ quan cấp Giấy phép hoạt động thì có trách nhiệm và thẩm quyền thay đổi Giấy phép hoạt động của cơ sở.

b) Kiến nghị thực thi:

Ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011, Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 và Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ).